



bài guān yě shǐ

稗官野史

noun/idiom · unofficial history; anecdotal records

Example Sentence

Zhè xiē gù shì lái zì bài guān yě shǐ bù yī dìng zhēn shí
这些故事来自稗官野史，不一定真实。

These stories come from unofficial histories
and may not be true.

Trace each character, then write the word on your own.

稗	稗	稗	稗	稗	稗	稗	稗	稗	稗	稗
稗	稗	稗	稗	稗						
官	官	官	官	官	官	官	官	官	官	官
官	官	官	官	官						
野	野	野	野	野	野	野	野	野	野	野
野	野	野								
史	史	史	史	史	史	史	史			